

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-10-2020
V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1999, nơi cư trú: Thôn 3, xã Thụy Lương, huyện Thái Thụy, tỉnh TB, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh OH, sinh năm 1978, địa chỉ: 11, Yeongsin-ro 9 ba-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh OH quen biết nhau và đã tổ chức đính hôn vào ngày 08 tháng 02 năm 2018. Sau đó anh OH trở về Hàn Quốc và làm giấy tờ kết hôn với chị tại Hàn Quốc vào ngày 23 tháng 6 năm 2018. Sau đó anh OH mang giấy tờ về Việt Nam để chị làm hồ sơ xin visa. Sau đó, giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Chị và anh OH đã nói chuyện với nhau và quyết định chia tay, từ đó đến nay hai người không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh OH.

Về con chung: Chị và anh OH không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh OH có hợp pháp hóa lãnh sự trình bày:

Anh và chị Lê Thị H quen biết nhau và đã tổ chức đính hôn vào ngày 08 tháng 02 năm 2018. Sau đó anh trở về Hàn Quốc, nhận giấy tờ của chị H và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 23 tháng 6 năm 2018 rồi anh mang giấy tờ về Việt Nam để làm visa cho chị H. Sau đó giữa anh và chị H xảy ra mâu thuẫn, chị H lạnh nhạt, không gặp anh. Hai người đã nói chuyện với nhau và quyết định chia tay, kể từ đó hai người không liên lạc với nhau nữa. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh OH. Anh OH hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Lê Thị H và anh OH vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh OH kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 6 năm 2018 tại Hàn Quốc. Tòa án đã yêu cầu chị Lê Thị H thực hiện việc ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam nhưng chị H có đơn từ chối. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì không có giá trị pháp lý. Vì vậy, quan hệ giữa chị Lê Thị H và anh OH không phải là quan hệ vợ chồng. Chị Lê Thị H và anh OH thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống và tính cách không hợp, không còn tình cảm và yêu thương lẫn nhau. Anh OH đã trở về Hàn Quốc, và không muốn đoàn tụ với chị Lê Thị H. Xét việc chị Lê Thị H và anh BAE JUNG HUN cùng thuận tình yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh OH.

[4] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh OH.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh OH không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0019038 ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh OH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy